Inspiron 14

3000 Series

Hình dạng

Thông số kỹ thuật

Copyright © 2014 Dell Inc. Mọi quyền đã được bảo lưu. Sản phẩm này được bảo vệ bởi các luật về bản quyền và sở hữu trí tuệ của Hoa Kỳ và quốc tế. Dell™ và logo Dell là các thương hiệu của Dell Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các vùng tài phán khác. Tất cả các nhãn hiệu và tên gọi khác được đề cập ở đây có thể là thương hiệu của các công ty tương ứng.

2014 - 12 Phiên bản A00

Model quy định: P60G | Loại: P60G001/P60G002

Model máy tính: Inspiron 14-3451/Inspiron 14-3458

GHI CHÚ: Các hình ảnh trong tài liệu này có thể khác biệt với máy tính của bạn tùy thuộc vào cấu hình bạn đã đặt hàng.

Hình dạng

Trước

Trái

Phải

Mặt nền

Màn hình

Trước

1 Đèn tình trạng nguồn và pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng

Cho biết trạng thái nguồn và điện tích pin.
Nhấn Fn+H để chuyển đổi đèn này giữa đèn hoạt động ổ đĩa cứng và đèn trạng thái pin.

Trắng đều	Bộ chuyển đổi nguồn được kết nối và pin đã sạc được hơn 5%.
Vàng đều	Máy tính đang sử dụng pin và pin đã sạc được chưa đầy 5%.
Tắt	• Bộ chuyển đổi nguồn được kết nối và pin đã được sạc đầy. • Máy tính đang sử dụng pin và pin đã sạc được hơn 5%. • Máy tính đang ở trạng thái ngủ, ngủ đông, hoặc tắt.

Hình dạng

Trước

Trái

Phải

Mặt nền

Màn hình

Trái

1 Cổng bộ chuyển đổi nguồn điện

Kết nối bộ chuyển đổi nguồn điện để cấp nguồn cho máy tính và sạc pin.

2 Cổng mạng (chỉ có ở Inspiron 14-3458)

Kết nối cáp Ethernet (RJ45) từ bộ định tuyến hoặc modem băng thông rộng để truy cập mạng hoặc internet.

3 Cổng HDMI

Kết nối TV hoặc thiết bị khác có hỗ trợ ngõ vào HDMI. Cung cấp ngõ ra video và âm thanh.

4 Cổng USB 3.0

Kết nối các thiết bị ngoại vi như thiết bị lưu trữ, máy in, v.v... Cung cấp tốc độ truyền dữ liệu lên tới 5 Gbps.

5 Khe đọc thẻ nhớ

Đọc và ghi vào thẻ nhớ.

Hình dạng

Trước

Trái

Phải

Mặt nền

Màn hình

Phải

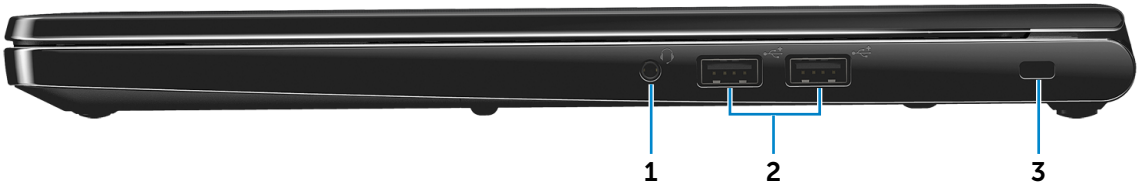

1 Cổng tai nghe

Kết nối tai nghe, micrô, hoặc một tai nghe và micrô kết hợp (bộ tai nghe).

2 Cổng USB 2.0 (2)

Kết nối các thiết bị ngoại vi như thiết bị lưu trữ, máy in, v.v... Cung cấp tốc độ truyền dữ liệu lên tới 480 Mbps.

3 Khe cáp bảo vệ

Đấu nối cáp bảo vệ để ngăn ngừa di chuyển trái phép máy tính của bạn.

Hình dạng

Trước

Trái

Phải

Mặt nền

Màn hình

Mặt nền

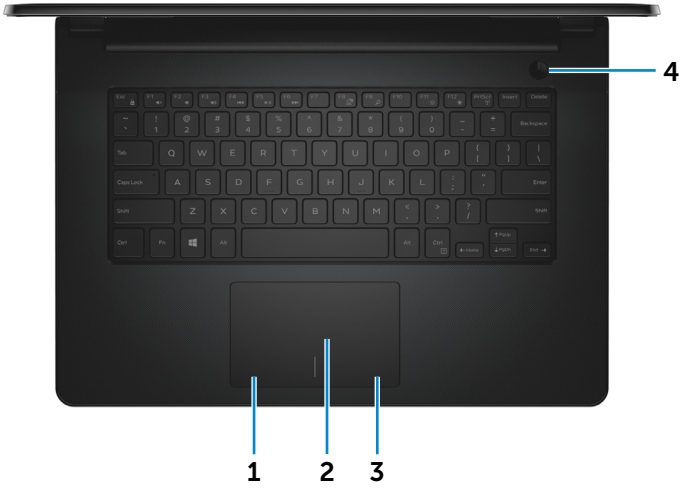

1 Vùng nhấp trái

Nhấn để nhấp trái.

2 Bàn di chuột

Trượt ngón tay trên bàn di chuột để di chuyển con trỏ chuột. Gõ để nhấp trái.

3 Vùng nhấp phải

Nhấn để nhấp phải.

4 Nút nguồn

Nhấn để bật máy tính nếu máy đang tắt hoặc ở trạng thái ngủ.

Nhấn để đưa máy tính vào trạng thái ngủ nếu máy đang bật.

Bấm và giữ trong 10 giây để buộc máy tính phải tắt.

GHI CHÚ: Bạn có thể tùy chỉnh cách hoạt động của nút nguồn trong Tùy chọn Nguồn. Để biết thêm thông tin, hãy xem *Tôi và Dell của tôi* tại **dell.com/support/manuals**.

Hình dạng

Trước

Trái

Phải

Mặt nền

Màn hình

Màn hình

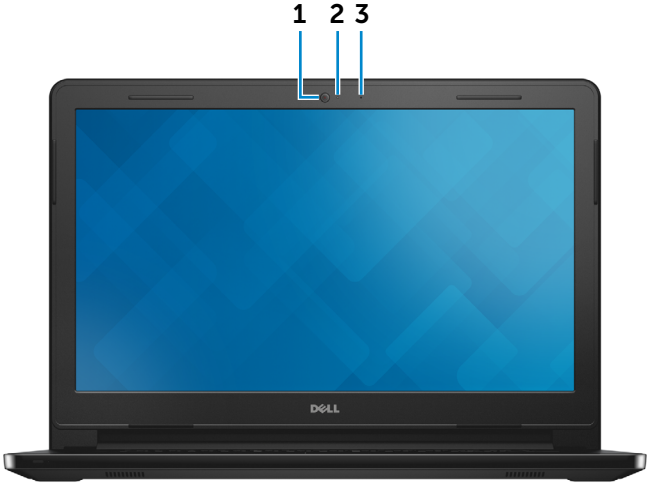

1 Camera

Cho phép bạn trò chuyện qua video, chụp ảnh và quay phim.

2 Đèn trạng thái camera

Bật khi đang sử dụng máy ảnh.

3 Micrô

Cung cấp đầu vào âm thanh kỹ thuật số chất lượng cao để ghi âm, các cuộc gọi thoại, v.v...

Thông số kỹ thuật

Kích thước và trọng lượng

Chiều cao	21,4 mm (0,84 inch)
Chiều rộng	345 mm (13,58 inch)
Chiều sâu	243 mm (9,57 inch)
Trọng lượng (tối đa)	1,9 kg (4,19 pound) **GHI CHÚ:** Trọng lượng máy tính xách tay của bạn sẽ thay đổi tùy theo cấu hình được đặt hàng và khả năng thay đổi sản xuất.

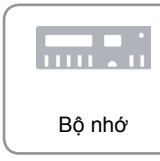

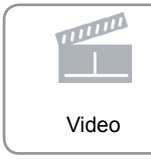

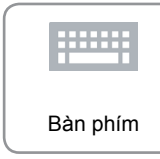

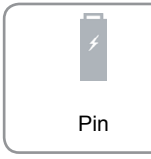

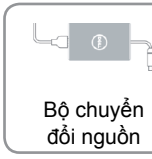

Thông số kỹ thuật

Thông tin Hệ thống

Model máy tính	• Inspiron 14-3451 • Inspiron 14-3458	
	Inspiron 14-3451	**Inspiron 14-3458**
Bộ xử lý	• Bộ xử lý Intel Celeron • Bộ xử lý Intel Pentium	• Bộ xử lý Intel Celeron • Bộ xử lý Intel Pentium • Bộ xử lý Intel Core i3 thế hệ thứ 4 • Bộ xử lý Intel Core i3 thế hệ thứ 5 • Bộ xử lý Intel Core i5 thế hệ thứ 5
Chipset	Được tích hợp trong bộ xử lý	Được tích hợp trong bộ xử lý

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

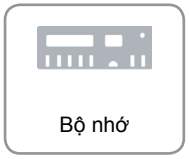
Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

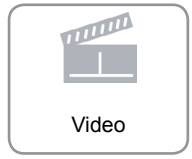
Video

Âm thanh

Lưu trữ

Khe đọc thẻ nhớ

Màn hình

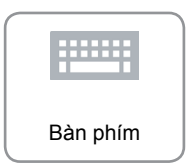
Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

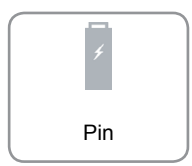
Pin

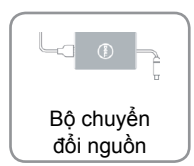
Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Bộ nhớ

	Inspiron 14-3451	Inspiron 14-3458
Khe	Một khe SODIMM	Hai khe cắm SODIMM
Loại	DDR3L	DDR3L Dual-channel
Tốc độ	1333 MHz	1600 MHz
Cấu hình được hỗ trợ	2 GB và 4 GB	2 GB, 4 GB, 6 GB và 8 GB

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

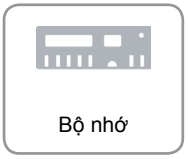
Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

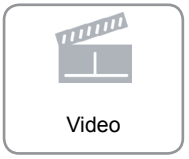
Video

Âm thanh

Lưu trữ

Khe đọc thẻ nhớ

Màn hình

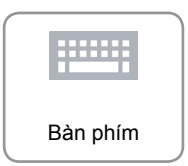
Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

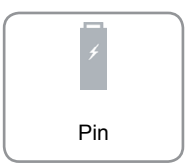
Pin

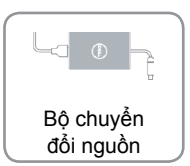
Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Cổng và Kết nối

Bên ngoài:	
Mạng	Một cổng RJ45 (chỉ có ở Inspiron 14-3458)
USB	• Hai cổng USB 2.0 • Một cổng USB 3.0
Âm thanh/Video	• Một cổng HDMI • Một cổng kết hợp tai nghe và micrô (bộ tai nghe)
Bên trong:	
Khe cắm NGFF	Một khe cắm NGFF cho Wi-Fi, Bluetooth và Intel WiDi (tùy chọn)

Kích thước và trọng lượng
Thông tin Hệ thống
Bộ nhớ
Cổng và Kết nối
Giao tiếp
Video
Âm thanh
Lưu trữ
Khe đọc thẻ nhớ
Màn hình
Bàn phím
Camera
Bàn di chuột
Pin
Bộ chuyển đổi nguồn
Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Giao tiếp

Không dây	• Wi-Fi 802.11ac • Wi-Fi 802.11b/g/n • Bluetooth 4.0 • Intel WiDi (tùy chọn)

Kích thước và trọng lượng
Thông tin Hệ thống
Bộ nhớ
Cổng và Kết nối
Giao tiếp
Video
Âm thanh
Lưu trữ
Khe đọc thẻ nhớ
Màn hình
Bàn phím
Camera
Bàn di chuột
Pin
Bộ chuyển đổi nguồn
Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Video

	Inspiron 14-3451	Inspiron 14-3458
Bộ điều khiển:		
Được tích hợp	Intel HD Graphics	• Intel HD Graphics • Intel HD Graphics 4400 • Intel HD Graphics 5500
Chuyên dụng	Không áp dụng	NVIDIA GeForce 820M
Bộ nhớ:		
Được tích hợp	Bộ nhớ hệ thống chia sẻ	Bộ nhớ hệ thống chia sẻ
Chuyên dụng	Không áp dụng	• 1 GB DDR3L • 2 GB DDR3L

Kích thước và trọng lượng
Thông tin Hệ thống
Bộ nhớ
Cổng và Kết nối
Giao tiếp
Video
Âm thanh
Lưu trữ
Khe đọc thẻ nhớ
Màn hình
Bàn phím
Camera
Bàn di chuột
Pin
Bộ chuyển đổi nguồn
Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Âm thanh

Bộ điều khiển	Realtek ALC3234 với Waves MaxxAudio
Loa ngoài	Hai
Ngõ ra loa:	
Trung bình	2 W
Đỉnh	2,5 W
Micrô	Một microphone kỹ thuật số trong cụm máy ảnh
Điều khiển âm lượng	Phím tắt điều khiển media

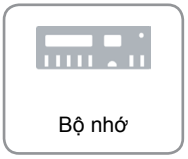

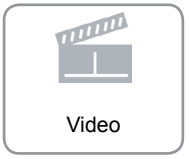

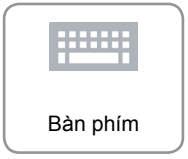

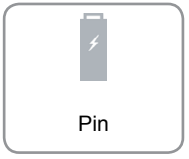

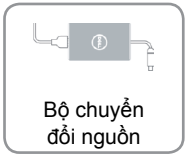

Thông số kỹ thuật

Lưu trữ

Giao diện	
Inspiron 14-3451	SATA 3 Gbps
Inspiron 14-3458	SATA 6 Gbps
Ổ đĩa cứng	Một ổ đĩa 2,5 inch
Ổ đĩa được hỗ trợ	Một ổ đĩa cứng

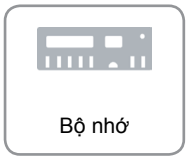

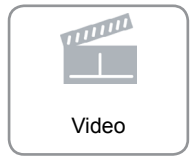

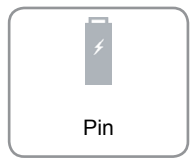

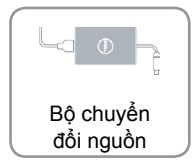

Thông số kỹ thuật

Khe đọc thẻ nhớ

Loại	Một khe cắm thẻ SD
Thẻ nhớ hỗ trợ	Thẻ SD

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

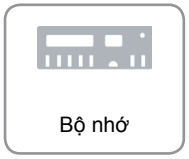
Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

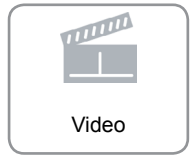
Video

Âm thanh

Lưu trữ

Khe đọc thẻ nhớ

Màn hình

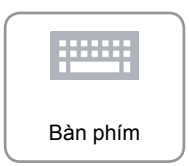
Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

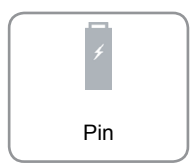
Pin

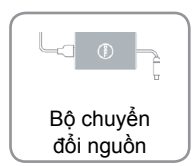
Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Màn hình

Loại	14,0 inch TrueLife
Độ phân giải (tối đa)	1366 x 768
Kích thước điểm ảnh	0,2520 mm
Kích thước:	
Chiều cao	225,06 mm (8,86 inch)
Chiều rộng	366,63 mm (14,43 inch)
Đường chéo	355,6 mm (14 inch)
Góc hoạt động	0 độ (đóng) đến 135 độ
Tốc độ làm tươi	60 Hz
Điều khiển	Có thể kiểm soát độ sáng bằng cách sử dụng phím tắt

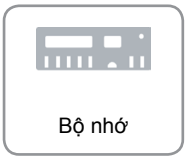

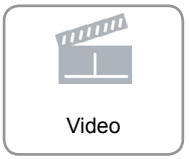

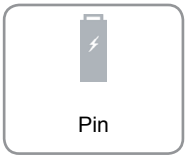

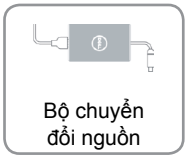

Thông số kỹ thuật

Bàn phím

Loại	Bàn phím Chiclet
Phím tắt	Một số phím trên bàn phím của bạn có hai biểu tượng trên phím. Các phím này có thể được sử dụng để gõ ký tự thay thế hoặc để thực hiện các chức năng phụ. Để gõ ký tự thay thế, hãy nhấn Shift và phím mong muốn. Để thực hiện chức năng phụ, hãy nhấn Fn và phím mong muốn. **GHI CHÚ:** Bạn có thể thay đổi hành vi của các phím tắt bằng cách nhấn Fn+Esc hoặc bằng cách thay đổi **Hành vi Phím chức năng** trong chương trình cài đặt BIOS. Danh sách các phím tắt.

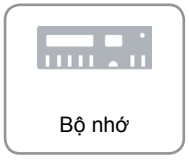

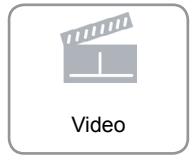

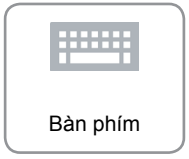

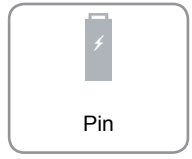

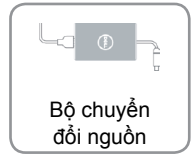

Phím tắt

F1	Tắt âm
F2	Giảm âm lượng
F3	Tăng âm lượng
F4	Phát bản nhạc/chương trước đó
F5	Phát/Tạm dừng
F6	Phát bản nhạc/chương kế tiếp
F8	Chuyển đổi sang màn hình hiển thị bên ngoài
F9	Tìm kiếm
F11	Giảm độ sáng
F12	Tăng độ sáng

Fn + Esc	Bật tắt khóa phím Fn
Fn + PrtScr	Tắt/mở mạng không dây
Fn + Ctrl	Mở menu ứng dụng
Fn + Insert	Chế độ Ngủ
Fn + B	Pause/Break
Fn + H	Chuyển đổi giữa đèn hoạt động ổ đĩa cứng/đèn trạng thái pin
Fn + R	Yêu cầu hệ thống
Fn + S	Bật tắt phím Scroll lock
Fn + Home	Phím Home
Fn + End	Phím End
Fn + PgUp	Phím Page up
Fn + PgDn	Phím Page down

Thông số kỹ thuật

Camera

Độ phân giải:	
Ảnh tĩnh	0,92 megapixel
Video	1280 x 720 (HD) ở 30 khung hình/giây (tối đa)
Góc nhìn chéo	74 độ

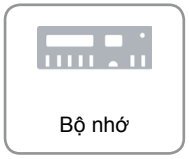

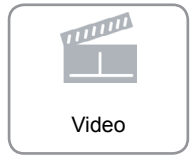

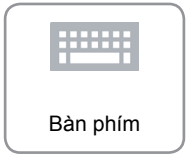

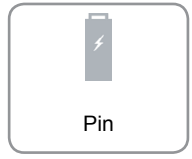

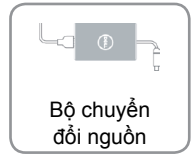

Thông số kỹ thuật

Bàn di chuột

Độ phân giải:	
Ngang	2040
Dọc	1240
Kích thước:	
Chiều rộng	105 mm (4,13 inch)
Chiều cao	65 mm (2,56 inch)

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

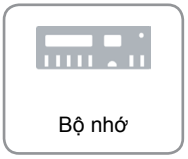
Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

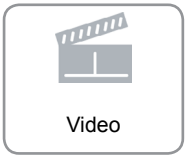
Video

Âm thanh

Lưu trữ

Khe đọc thẻ nhớ

Màn hình

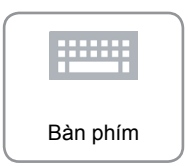
Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

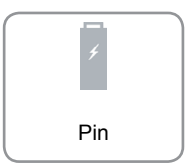
Pin

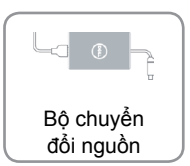
Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Pin

Loại	• Pin lithium ion thông minh 4-cell 40 WHr • Pin lithium ion thông minh 4-cell 47 WHr
Kích thước:	
Chiều cao	20 mm (0,79 inch)
Chiều rộng	270,2 mm (10,64 inch)
Chiều sâu	37,5 mm (1,48 inch)
Trọng lượng (tối đa)	0,26 kg (0,57 pound)
Điện áp	14,80 VDC
Thời gian hoạt động	Thay đổi tùy theo điều kiện hoạt động và có thể suy giảm đáng kể dưới những điều kiện cần nhiều năng lượng nhất định.
Thời gian sạc pin khi máy tính đang tắt (xấp xỉ)	4 giờ
Tuổi thọ (xấp xỉ)	300 chu kỳ xả/sạc điện
Nhiệt độ:	
Hoạt động	0°C đến 35°C (32°F đến 95°F)
Bảo quản	–40°C đến 65°C (–40°F đến 149°F)
Pin dạng đồng xu	CR-2032

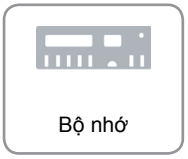

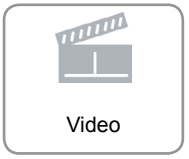

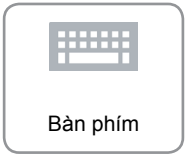

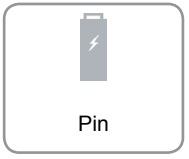

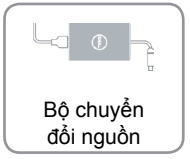

Thông số kỹ thuật

Bộ chuyển đổi nguồn

Loại:	
Inspiron 14-3451	45 W
Inspiron 14-3458	• 45 W • 65 W
Điện áp đầu vào	100 VAC–240 VAC
Tần số đầu vào	50 Hz–60 Hz
Dòng đầu vào	1,30 A/1,60 A/1,70 A
Dòng đầu ra	2,31 A/3,34 A
Điện áp đầu ra định mức	19,50 VDC
Nhiệt độ:	
Hoạt động	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)
Bảo quản	–40°C đến 70°C (–40°F đến 158°F)

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

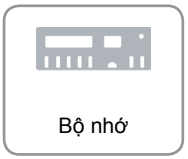
Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

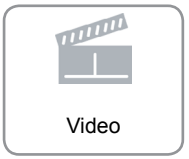
Video

Âm thanh

Lưu trữ

Khe đọc thẻ nhớ

Màn hình

Bàn phím

Camera

Bàn di chuột

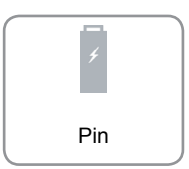
Pin

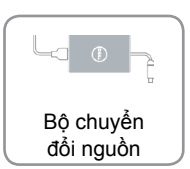
Bộ chuyển đổi nguồn

Môi Trường Máy Tính

Thông số kỹ thuật

Môi Trường Máy Tính

Mức độ chất gây ô nhiễm không khí	G1 theo quy định bởi ISA-S71.04-1985	
	Hoạt động	**Bảo quản**
Nhiệt độ	0°C đến 35°C (32°F đến 95°F)	–40°C đến 65°C (–40°F đến 149°F)
Độ ẩm tương đối (tối đa)	10% đến 90% (không ngưng tụ)	0% đến 95% (không ngưng tụ)
Độ rung (tối đa)*	0,66 GRMS	1,30 GRMS
Va đập (tối đa)	110 G†	160 G‡
Độ cao (tối đa)	–15,2 m đến 3048 m (–50 foot đến 10.000 foot)	–15,2 m đến 10.668 m (–50 foot đến 35.000 foot)

* Đo bằng dải phổ rung động ngẫu nhiên nhằm mô phỏng môi trường người dùng.
† Đo bằng một xung nửa hình sin 2 ms khi đang sử dụng ổ đĩa cứng.
‡ Đo bằng một xung nửa hình sin 2 ms khi đầu đọc ổ đĩa cứng đang ở vị trí dừng.

Kích thước và trọng lượng

Thông tin Hệ thống

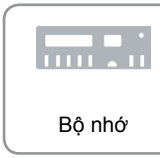
Bộ nhớ

Cổng và Kết nối

Giao tiếp

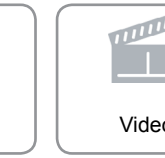
Video

Âm thanh

Lưu trữ

Khe đọc thẻ nhớ

Màn hình

Bàn phím

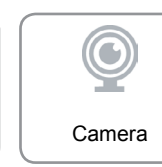
Camera

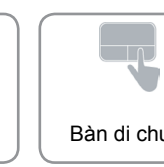
Bàn di chuột

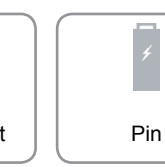
Pin

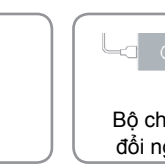
Bộ chuyển đổi nguồn

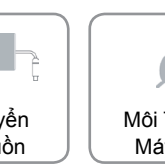
Môi Trường Máy Tính